BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	165.375.387.586	143.131.846.539
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.17	165.375.387.586	143.131.846.539
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	135.252.932.587	117.972.452.578
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	**20**		**30.122.454.999**	**25.159.393.961**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	2.756.032.133	5.409.791.635
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	3.001.839.978	3.555.745.035
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.265.389.289*	*2.246.716.247*
8. Chi phí bán hàng	24	VI.21	5.559.930.122	4.784.237.964
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.22	9.576.864.157	7.480.020.666
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	**30**		**14.739.852.875**	**14.749.181.931**
11. Thu nhập khác	31	VI.23	850.497.161	817.126.659
12. Chi phí khác	32	VI.24	513.655.909	372.089.001
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**336.841.252**	**445.037.658**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**15.076.694.127**	**15.194.219.589**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.25	3.422.073.982	3.443.952.921
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)	**60**		**11.654.620.145**	**11.750.266.668**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.27**	**1.457**	**1.469**

TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Mỹ Thạnh	Thái Thanh Thủy	Tôn Thất Mạnh